

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất
năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013;*
- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*
- Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*
- Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*
- Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 369 dự án cần thu hồi đất năm 2019 với tổng diện tích 9.556,91 ha vì mục đích quốc phòng - an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(Có danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các

dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *th*



mm H

Trần Tuệ Hiền



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13 /2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Thành phố Đồng Xoài	517,49			1.510.146	670.574	254.012	585.561		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	261,04			849.328	67.762	196.005	585.561		
1	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa (Đường số 30 và đường Nguyễn Chánh)	4,71	CLN+ODT	Phường Tân Bình	14.130	14.130			Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước	
2	Đường số 31 (đoạn tiếp giáp với đường Phú Riêng Đò)	0,28	CLN+ODT	Phường Tân Bình	840		840		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
3	Đường vành đai phía Nam thị xã (đoạn qua phường Tân Bình)	9,60	CLN+ODT	Phường Tân Bình	28.800		28.800		Quyết định 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
4	Dự án Khu đô thị mới Công viên trung tâm Đồng Xoài	49,36	CLN+ODT	Phường Tân Bình	543.004			543.004	Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh; Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt QHCT 1/500	
5	Đường Lý Thường Kiệt nối dài (Phú Riêng Đò đến Nguyễn Huệ)	1,85	CLN+ODT	Phường Tân Đồng	5.550		5.550		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
6	TTHC phường Tân Đồng (phần còn lại, 05 hộ)	0,35	CLN+ODT	Phường Tân Đồng	2.762		2.762		Công văn số 1287/UBND-KTN ngày 27/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước; Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 của UBND Thành phố Đồng Xoài	
7	Dự án Kè chống xói lở và đê chống lũ Suối Rạt	2,34	CLN+ODT	Phường Tân Đồng, Tân Thiện	7.005	7.005			Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư	
8	Đường dọc theo hai bên suối Đồng Tiền	4,50	CHN+CLN	Phường Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	0				Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 về phê duyệt đề án giải tỏa hành lang bảo vệ suối Đồng Tiền giai đoạn 2017-2020	Vận động nhân dân
9	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc KDC phía Bắc tỉnh lỵ	0,83	CLN+ODT	Phường Tân Phú	2.490	2.490			Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
10	Đường Hai Bà Trưng nối dài (còn 7 hộ)	0,04	CLN+ODT	Phường Tân Phú	115		115		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Đường nối dài Đặng Thai Mai đến Lý Thường Kiệt	1,35	CLN+ODT	Phường Tân Phú	4.052		4.052		Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 12/06/2018 của UBND thị xã	
12	Đường Trần Hưng Đạo nối dài (từ đường Trần Phú đến Lê Duẩn)	1,68	CLN+ODT	Phường Tân Phú	5.040		5.040		Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh	
13	Xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	5,55	CLN+ODT	Phường Tân Phú	16.650	16.650			Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
14	Dự án khu Trung tâm Thương mại Đông Xoài	0,78	SKC, TSC, ODT, PNK	Phường Tân Phú	42.463			42.463	Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt QHCT 1/500	
15	Đường quy hoạch số 1 (đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường Lê Quý Đôn)	4,45	CLN+ODT	Phường Tân Thiện	13.350		13.350		Quyết định 1054/QĐ-UBND ngày 24/04/2014 của UBND thị xã; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
16	Đường quy hoạch số 2 (Quốc lộ 14 đến đường Trần Quang Khải)	4,96	CLN+ODT	Phường Tân Thiện	14.880		14.880		Quyết định 3129/QĐ-UBND ngày 02/12/2017 của UBND thị xã; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
17	Trường THCS chất lượng cao và khu dân cư, dịch vụ hỗn hợp	19,70	CLN+ODT	Phường Tân Thiện	59.100		59.100		Quyết định 2690/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND thị xã; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
18	Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và TĐC phường Tân Thiện	3,81	CLN+ODT	Phường Tân Thiện	11.417		11.417		Quyết định 4352/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND thị xã	
19	Nhà máy xử lý nước thải phường Tân Xuân (phần còn lại, 1 hộ)	0,01	ODT	Phường Tân Xuân	62	62				
20	Đường tránh nội ô Thành phố Đông Xoài, kết nối ĐT741 với QL14 (Đường Nguyễn Huệ)	9,80	CLN+ODT	Phường Tân Xuân, Tân Thiện	29.400		29.400		Công văn số 84/HĐND-KT ngày 13/4/2017 của HĐND tỉnh; Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND Thành phố Đông Xoài	
21	Đường dọc theo hai bên suối Tầm Vông	0,78	CHN+CLN	Tân Bình, Tân Xuân	0				Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 5/9/2017 của UBND Thành phố Đông Xoài	Vận động nhân dân
22	Đường Nguyễn Huệ nối dài (TTVH Tân Đồng đến Hồ Xuân Hương)	6,90	CLN+ODT	Tân Đồng, Tân Phú	20.700		20.700		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
23	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa.	81,22	CLN+ODT	Xã Tân Thành	0	0			Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Vận động nhân dân hiến đất
24	Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải và hệ thống thu gom nước thải KCN Đông Xoài I	0,70	CLN	Xã Tân Thành	1.050	1.050			Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 14/6/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
25	Nghĩa trang nhân dân Đông Xoài II	10,00	CLN	Xã Tân Thành	15.000	15.000			Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
26	Thao trường, bãi tập cho Trường Quân sự địa phương	1,50	CLN+ONT	Xã Tân Thành	9.200	9.200			Nghị quyết số 657/NQ-ĐU ngày 12/01/2018 của Đảng ủy Quân sự tỉnh	
27	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài III	0,31	CLN	Xã Tiên Hưng	465	465			Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
28	Căn cứ hậu cầu kỹ thuật	31,46	CLN	Xã Tiên Hưng	0				Công văn 802/BCH-TM ngày 10/10/2016 của Bộ CHQS tỉnh	Đất của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.
29	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II	0,06	CLN	phường Tiên Thành	94			94	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước	
30	Đường dây và trạm biến áp Đồng Xoài II	1,14	CLN	phường Tiên Thành	1.710	1.710				
31	Nhà trẻ KCN Đồng Xoài II	1,03	CLN	phường Tiên Thành	0				Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh	Đất Ban QLKKT quản lý
b	Các dự án đăng ký mới năm 2019	256,45			660.818	602.812	58.006	0		
1	Đường 4, 5, 6, 7 thuộc khu dân cư phường Tân Bình	0,83	CLN+ODT	Phường Tân Bình	2.498			2.498	Công văn số 1991/UBND-NC ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh; Công văn số 1353/UBND-KT ngày 27/7/2018 của UBND Thành phố Đồng Xoài	
2	Chợ đầu mối nông sản tỉnh Bình Phước	10,00	CLN+ONT	Xã Tiên Hưng	15.000	15.000			Công văn số 1430/UBND-KT ngày 08/8/2018 của UBND Thành phố Đồng Xoài	
3	Đường Trường Chinh (đoạn từ QL14 đến đường vành đai KCN Đồng Xoài III)	8,87	CLN+ODT	Phường Tân Bình	26.610			26.610	Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
4	Thu hồi thửa đất số 472, tờ 66 (Hố Thị Suong) và thửa đất số 56, tờ 56 (Đặng Thị Hoài)	0,07	CLN+ODT	Phường Tân Bình	217			217	Thu hồi làm công trình công cộng	
5	Trụ sở Công an TX. Đồng Xoài, Trường Tiểu học Tân Bình và KDC dịch vụ hỗn hợp tại phường Tân Bình	19,70	CLN+DGD+ODT	Phường Tân Bình	59.100	59.100			Quyết định chủ trương số 2433/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của UBND Thành phố Đồng Xoài	
6	Đường dọc theo hai bên suối Cái Bè	3,82	CHN+CLN	Phường Tân Bình, Tân Xuân	0				Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND Thành phố Đồng Xoài	Vận động nhân dân hiến đất
7	Tuyến đường thuộc khu dân cư khu phố 5, phường Tân Đồng	0,16	CLN+ODT	Phường Tân Đồng	472			472	Công văn số 1991/UBND-NC ngày 12/7/2018 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 1353/UBND-KT ngày 27/7/2018 của UBND Thành phố Đồng Xoài	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường Trần Phú nối dài (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Phan Huy Ich)	1,27	CLN+ODT	Phường Tân Phú	3.810		3.810		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
9	Đường từ Lý Thường Kiệt đến Hồ Xuân Hương	3,08	CLN+ODT	Phường Tân Phú	9.240		9.240		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
10	Đường từ khu dân cư Phú Thanh đến đường Lý Thường Kiệt	0,05	CLN+ODT	Phường Tân Phú	144		144		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
11	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Âu Cơ)	0,73	CLN+ODT	Phường Tân Phú	2.190		2.190		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
12	Đường dọc theo hai bên suối Mơ	0,18	CHN+CLN	Phường Tân Phú	0				Đề án vận động giải tỏa hành lang bảo vệ suối Mơ giai đoạn 2019-2020	Vận động nhân dân hiến đất
13	Khu Du lịch Hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	159,98	CHN+CLN+ODT	Phường Tân Phú	479.940	479.940			Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh v/v phê duyệt QHCT 1/500	
14	Mở rộng đường vào và khuôn viên bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước	0,11	CLN+ODT	Phường Tân Thiện	172	172			Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước	
15	Hệ thống thoát nước (từ đường quy hoạch số 2 đến suối Rạt)	4,05	CLN+ODT	Phường Tân Thiện	12.150		12.150		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
16	Đường dọc theo hai bên suối Đá	9,00	CHN+CLN	Phường Tân Xuân	0				Đề án vận động giải tỏa hành lang bảo vệ suối Đá giai đoạn 2019-2020	Vận động nhân dân hiến đất
17	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Thành phố Đồng Xoài	11,25	CLN+ONT	Phường Tiến Thành, Tiến Hưng	16.875	16.875			Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
18	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5 và số 7 KCN Đồng Xoài I	17,40	CLN+ONT	Xã Tân Thành	26.100	26.100			Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
19	Xây dựng đường giao thông khu tái định cư phía trước KCN xã Tân Thành	0,45	CLN+ONT	Xã Tân Thành	675		675		Quyết định 3083/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thị xã	
20	Đường vào khu nhà ở xã hội	1,28	CLN+ONT	Xã Tiến Hưng	1.920	1.920			Quyết định 3333/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh v/v phê duyệt CTĐT; Quyết định 1644/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh	
21	Đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến KCN ĐX III	2,47	CLN+ONT	Xã Tiến Hưng	3.705	3.705			Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 03/8/2018 của UBND Thành phố Đồng Xoài	
22	Đường dọc theo hai bên suối Tà Bàng	1,70	CHN+CLN	phường Tiến Thành	0				Đề án vận động giải tỏa hành lang bảo vệ suối Tà Bàng giai đoạn 2019-2020	Vận động nhân dân hiến đất
II	Thị xã Bình Long	233,62			100.133	55.437	44.096	600		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	172,88			84.911	44.437	40.474	0		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Nâng cấp mở rộng ĐT 752 đoạn thị xã đi Trường chuyên Bình Long	1,71	CLN, HNK, ODT	Phường An Lộc	410		410		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
2	Đường mương song song đường ALT13 khu phố An Bình qua thửa 223;224;232;237;240 tờ số 23	0,02	CLN	Phường An Lộc	9		9		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
3	Mương từ đường bê tông đến đường ĐoànThị Điểm - ĐT 752.	0,04	CLN	Phường An Lộc	18		18		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
4	Cải tạo chợ Bình Long	1,90	ODT	Phường An Lộc	22.800		22.800		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
5	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	0,34	CLN, HNK	Phường An Lộc	99		99		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
6	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	8,23	CLN	Phường An Lộc, Hưng Chiến	2.672	2.672			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
7	Mở rộng Trường tiểu học Thanh Bình	1,07	CLN	Hưng Chiến	481,50		481,50		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	Đất Ban QLKKT quản lý
8	Trường THPT Bình Long	9,00	CLN	Phường Hưng Chiến	4.050	4.050			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
9	Khu Trung tâm hành chính thị xã	42,70	CLN	Phường Hưng Chiến	16.215		16.215		CV số 3238/UBND-KT ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh	Đất Ban QLKKT quản lý
10	Khu đô thị mới Nam An Lộc	94,36	CLN	Phường Hưng Chiến, Phú Đức	33.911	33.911			Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	Đất Ban QLKKT quản lý
11	Xây dựng mương thoát nước 1,6 m thửa số 23, tờ bản đồ 51	0,01	CLN	Phường Phú Đức	5		5		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
12	Khu dân cư phía Đông thị xã Bình Long	5,51	CLN	Phường Phú Thịnh, Phú Đức	2.484	2.484			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017, Công văn số 528/BQL-QHXD ngày 02/8/2017 của Ban QLKKT	
13	Chợ Thanh Lương	0,79	CLN	Xã Thanh Lương	174		174		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
14	Trường PTH Nguyễn Huệ	6,00	CLN	Xã Thanh Phú	1.320	1.320			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017	
15	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	1,20	CLN	Xã Thanh Phú	264		264		Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 12/02/2017	
b	Các dự án đăng ký mới năm 2019	60,74			15.222	11.000	3.622	600		
1	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0,50	CLN	Phường An Lộc	0				Thửa số 444, tờ 1	Vận động dân hiến đất
2	Dự án vùng đệm Nhà máy xi măng Bình Phước	2,14	CLN	Xã Thanh Lương	600			600		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Cụm công nghiệp Thanh Lương	20,00	CLN	Xã Thanh Lương	5.500	5.500			Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
4	Đường giao thông và khuôn viên cây xanh	0,66	CLN	Phường Hưng Chiến	0				Thửa số 9, tờ 54; thửa số 29, tờ 55	Vận động dân hiến đất
5	Quảng trường Trung tâm hành chính mới	0,53	ODT	Hưng Chiến					Thông báo 235/TB-UBND ngày 19/10/2018 của UBND thị xã	Đất Ban QLKKT quản lý
6	Sắp xếp, bố trí các khu dân cư trên đất cao su đã giao địa phương.	4,67	CLN	Phường Phú Đức, Phú Thịnh	0				QĐ 2072/QĐ-UBND ngày 11/5/2013 của UBND tỉnh	Đất Ban QLKKT quản lý
7	Xây dựng, nâng cấp đường Hai Bà Trưng nổi dài	2,00	CLN	Phường Phú Thịnh	800		800		Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
8	Xây dựng đường từ Ngã ba cây sung đến mốc tiếp giáp 3 mặt phường Phú Thịnh - Thanh Phú - Tân Lợi	1,60	CLN	Phường Phú Thịnh	640		640		Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	
9	Xây dựng đường bờ kè cấp suối từ đường Bà Triệu đến khu mỏ đá Phú Lạc	0,70	CLN	Phường Phú Thịnh	0				Thông báo 425-TB/KL ngày 7/5/2018 của Thường trực Thị Ủy	Đất công
10	Trạm biến áp và đường dây 220 KV điện mặt trời Lộc Ninh - Bình Long 2	3,28	CLN	Xã Thanh Lương	900		900		QH điện mặt trời của tỉnh	
11	Đường dây 110 kV trạm 220 kV Bình Long 2 - Bình Long	2,66	CLN	Xã Thanh Lương, Thanh Phú	732		732		Sở Công thương đăng ký	
12	Cụm công nghiệp Thanh Phú	20,00	CLN	Xã Thanh Phú	5.500	5.500			Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	
13	Trung tâm Văn hóa xã Thanh Phú	2,00	CLN	Xã Thanh Phú	550		550			
III	Thị xã Phước Long	36,30			67.210	0	43.710	23.500		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	36,30			67.210	0	43.710	23.500		
1	Đường D1	1,06	CLN	Phường Long Phước	850		850		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
2	Trạm xử lý nước thải phía Tây dự án khu TTHC và Đô thị mới Phước Long	0,42	CLN	Phường Long Phước	340		340		Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND thị xã Phước Long	
3	Hệ thống thoát nước ĐT 759 (cống Sơn Hà, cống Ông Hải, Bà Nguyệt)	0,01	CLN	Phường Long Phước	300		300			
4	Mở rộng hành lang và hạ tầng kỹ thuật đường Vòng Sân Bay	0,72	CLN	Phường Long Phước, Sơn Giang	1.000		1.000		Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27/6/2017; 1080/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND thị xã Phước Long	
5	Đường D10 (Đắc Sol nổi dài)	2,59	CLN, ODT	Phường Long Thủy	300		300		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
6	Đường giao thông tại khu phố 3 (sau lưng sân vận động)	0,05	ODT	Phường Long Thủy	400		400			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Trường Tiểu học Sơn Giang	1,00	LNC	Phường Sơn Giang	35.000		35.000		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
8	Hội trường khu phố Sơn Long	0,05	CLN	Phường Sơn Giang	120		120			
9	Đường cứu nạn tại KP Sơn Long	0,17	CLN	Phường Sơn Giang	250		250		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
10	Di tích Miếu Bà Rá; Đường từ đồi Bằng Lăng tới đỉnh núi Bà Rá; Đường dưới Đai truyền thanh tại đồi Bằng Lăng; Đường dưới Trạm tiếp sóng đỉnh núi Bà Rá,...	19,50	RDD	Phường Sơn Giang	17.000			17.000	Công văn số 2033/UBND-VX ngày 20/7/2016 của UBND tỉnh V/v thuận chủ trương xây dựng các công trình tâm linh trong khu DTLS và thắng cảnh núi Bà Rá	
11	Đường Vành Đai 2 (Từ khu Phước Vĩnh-phường Phước Bình đến khu Sơn Long-phường Sơn Giang)	4,86	CLN	Phường Sơn Giang, phường Phước Bình	3.900		3.900		Thông báo số 138/TB-UBND ngày 08/9/2017 của UBND thị xã Phước Long	
12	Đường vào khu tái định cư dài 200m, rộng 4m (đường Lê Quý Đôn nối dài)	0,08	CLN	Phường Thác Mơ	150		150		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
13	Đầu tư nâng cấp Chợ Phước Long	0,79	DCH	Phường Thác Mơ	0				QĐ số 1298/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND Thị xã	Đất công, không bồi thường đất
14	Đường Nhon Hòa 1 đi phường Long Thủy	0,91	CLN, ONT	Xã Long Giang	250		250		QĐ số 106a/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND xã Long Giang	
15	Nâng cấp đường Tập đoàn 7	0,62	CLN, ONT	Xã Long Giang	530		530		QĐ số 1298/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND Thị xã	
16	Cầu treo dân sinh thôn An Lương	0,20	CLN	Xã Long Giang	120		120			
17	Đường vào hội trường thôn Phước Quả	0,06	CLN	Xã Phước Tín	50		50		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
18	Nghĩa địa xã Phước Tín	1,00	CLN	Xã Phước Tín	150		150		QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
19	Trung tâm thương mại Phước Tín	2,20	CLN, ONT	xã Phước Tín	6.500			6.500	QĐ số 327/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2019	0,00								
IV	Huyện Bù Đăng	262,09			105.073	36.375	30.154	38.544		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	154,33			50.989	36.375	12.637	1.977		
1	Cải tạo suối Đak Woa	0,54	CLN	TT Đức Phong	270		270		Quyết định 857/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn	35,00	DGT và HLLG	TT. Đức Phong, xã Thống Nhất, xã Nghĩa Trung	600		600		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Khu bảo tồn VHDT S'tieng sóc Bom Bo	0,70	CLN	Xã Bình Minh	350	350			QĐ số 2441/QĐ-UBND ngày 21/10/2010; Danh mục KHSĐĐ năm 2015 (Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh)	Đang thực hiện cần thu hồi tiếp tục 0,70ha
4	Trường THPT Lương Thế Vinh	0,63	CLN	Xã Bom Bo	313		313		đề án phát triển giáo dục	
5	Khu Trung tâm hành chính xã Đak Nhou	2,26	CLN	Xã Đak Nhou	904		904		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh	
6	Nghĩa địa xã Đak Nhou	1,99	CLN	Xã Đak Nhou	997		997		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh	
7	Mở rộng MG Hoa Cúc	0,45	CLN	Xã Đăng Hà	225		225		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 857/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
8	Nghĩa địa thôn 3	1,00	CLN	Xã Đăng Hà	500			500	Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh	
9	Trường bán	61,200	HNK, CLN	Xã Đoàn Kết	30.600	30.600			Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh	Đã thu hồi 4,3 ha trong tổng diện tích 65,5 ha, còn lại 61,2 ha
10	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân huyện	2,12	CLN	Xã Đoàn Kết	1.060		1.060		Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước	
11	Trường mẫu giáo Hoa Sen	0,20	CLN	Xã Đoàn Kết	100		100		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 857/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
12	Mở rộng trường Tiểu học	0,60	CLN	Xã Đoàn Kết	300		300		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
13	Mở rộng Đường vào xã Đồng Nai	10,85	CLN, ONT	Xã Đoàn Kết, Thọ Sơn, Đồng Nai	5.425	5.425			Quyết định 857/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
14	Mở rộng Tiểu học Đồng Nai	0,46	CLN	Xã Đồng Nai	230		230		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
15	Xây mới mẫu giáo Tuổi Thơ	1,20	CLN	Xã Đức Liễu	600			600	Quyết định 857/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	
16	Mở rộng Trường tiểu học Kim Đồng	0,85	CLN	Xã Đức Liễu	427		427		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
17	Chợ Đức Liễu	0,58	CLN, ONT	Xã Đức Liễu	291			291	Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	Vốn xã hội hóa
18	Đường số 6 nối dài	0,28	CLN	Xã Đường 10	138		138		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
19	Nghĩa trang xã Đường 10	1,40	CLN	Xã Đường 10	700		700		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
20	Khu dân cư thôn 3 Minh Hưng	2,01	CLN, ONT	Xã Minh Hưng	1.208		1.208		Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
21	Mở rộng chợ Bù Na	1,47	CLN	Xã Nghĩa Trung	586			586	Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh	
22	Mở rộng Trường THCS Nghĩa Trung	0,50	CLN	Xã Nghĩa Trung	250		250		Quyết định 1776/QĐ-UBND ngày 17/08/2015 của UBND tỉnh	
23	Mở rộng Trường học Lê Văn Tám	0,76	CLN	Xã Nghĩa Trung	380		380		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
24	Xây mới Mẫu giáo Sao Mai	1,00	CLN	Xã Nghĩa Trung	500		500		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
25	Đường giao thông nông thôn từ QL14 đi Lam Sơn	19,60	DGT	Xã Nghĩa Trung, Thống Nhất	700		700		Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh	Đất công, không bồi thường đất
26	Mở rộng trường Tiểu học	0,50	CLN	Xã Phú Sơn	250		250		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
27	Nghĩa địa xã Phú Sơn	1,00	CLN	Xã Phú Sơn	500		500		Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
28	Mở rộng mẫu giáo Hương Dương	0,30	CLN	Xã Phú Sơn	150		150		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
29	Đường liên xã từ Sơn Lập đi Đồng Nai	1,31	CLN	Xã Thọ Sơn	655		655		Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	
30	Mở rộng THCS Thọ Sơn	0,06	CLN	Xã Thọ Sơn	30		30		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
31	Trường mẫu giáo Hoa Phượng	1,00	CLN	Xã Thọ Sơn	500		500		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
32	Mở rộng mẫu giáo Anh Đào	0,20	CLN	Xã Thống Nhất	100		100		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
33	Xây dựng mới Mẫu giáo Sơn Ca	1,00	CLN	Xã Thống Nhất	500		500		Đề án phát triển giáo dục; Quyết định 482/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
34	Dự án xây dựng cầu dẫn sinh (dự án LRAMP)	0,30	CLN, NTS, ONT	Xã Thống Nhất	150		150		CV 175/BQLDA-KHTH ngày 13/11/2018	
35	Sân bóng xã Thống Nhất	1,00	CLN	Xã Thống Nhất	500		500		Quyết định 1334/QĐ-UBND ngày 20/06/2014	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2019	107,76			54.084	0	17.517	36.567		
1	Khu dân cư Lý Thường Kiệt và đường D1	28,00	CLN, ONT	TT Đức Phong	14.002			14.002		
2	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Lợi	0,08	CLN	TT Đức phong	40		40			

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
3	Mở rộng chợ Bù Đăng	0,10	ODT	TT Đức phong	50		50			
4	Đường vành đai nhà văn hóa thiếu nhi	0,40	ODT, CLN	TT Đức phong	400		400			
5	Đường vào công Trường TH Bom Bo	0,03	CLN	Xã Bom Bo	15		15			
6	Trạm biến áp và hành lang đường điện đầu nối thủy điện Đak Glun 2	3,12	CLN	Xã Đăk Nheu	1.560			1.560		Vốn doanh nghiệp
7	Hồ chứa nước Darana	37,30	CLN	Xã Đức Liễu	18.650			18.650	Quyết định số 4427/QĐ-BNN ngày 30/10/2017 của Bộ NN&PTNT	Vốn ODA
8	Mở rộng Trường mẫu giáo Thanh Bình	0,01	CLN	Xã Đường 10	5		5			
9	Đường điện đầu nối thủy điện Đức Thành	2,60	CLN	Xã Minh Hưng	1.300			1.300		Vốn Doanh nghiệp
10	Hồ chứa nước Daou2	30,10	DTL	Xã Nghĩa Bình	15.050		15.050		Quyết định số 4427/QĐ-BNN ngày 30/10/2017 của Bộ NN&PTNT	
11	Thu hồi đất bổ sung Hồ chứa nước Sơn Lợi	1,00	CLN	Xã Thọ Sơn	500		500			
12	Tiêu dự án tái định cư khu vực Đa Bông Cua	0,61	CLN	Xã Thống Nhất	307		307			
13	Xây dựng Cầu Vĩnh Ninh	2,11	CLN	Xã Thống Nhất	1.055			1.055		Vốn ODA
14	Mở rộng trường THCS Thống Nhất	0,30	CLN	Xã Thống Nhất	150		150			
15	Mở rộng Nghĩa trang thôn 2	2,00	CLN	Xã Thống Nhất	1.000		1.000			
V	Huyện Hớn Quản	1.579,75			951.599	79.042	279.450	593.108		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	1.280,91			951.599	79.042	279.450	593.108		
1	Dự án nhà máy xi măng Minh Tâm	508,20			520.610,00	12.285,00	0,00	508.325,00		
-	Bãi thải	50,00	CLN	Xã Minh Tâm	52.500			52.500	Công văn số 2544/UBND-SX ngày 21/8/2008 của UBND tỉnh	
-	Hồ lãg, khu phụ trợ	55,20	CLN	Xã Minh Tâm	57.960			57.960	Công văn số 1582/UBND-KT ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh	
-	Khu nhà ở CBCNV	52,00	CLN	Xã Minh Tâm	41.600			41.600	Thông báo số 35/TB-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long
-	Nhà máy và bãi chứa nguyên liệu	168,00	CLN	Xã Minh Tâm	176.400			176.400	Công văn 3313/UBND-SX ngày 07/10/2008 của UBND tỉnh	
-	Mỏ đá vôi	139,20	CLN	Xã An Phú, Minh Tâm	146.160			146.160	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP	
-	Mỏ vật liệu, trạm đập	23,10	CLN	Xã Minh Tâm	24.255			24.255	Công văn số 676/UBND-KTN ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh	Đã thu hồi, bồi thường được 7,6/30,7ha, còn 23,1ha chưa thu hồi, bồi thường

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
-	Đường băng tải Nhà máy xi măng Minh Tâm	9,00	CLN	Xã Minh Tâm	9.450			9.450	Công văn số 676/UBND-KTN ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh	
-	Nâng cấp đường vào nhà máy	11,70	CLN	Xã Minh Đức, Minh Tâm	12.285	12.285			Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh	
2	Khu dân cư phía tây thị xã Bình Long (phần trên địa bàn huyện Hớn Quản)	5,60	CLN	Xã An Phú	4.480	4.480			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, chi bồi thường tài sản trên đất
3	Mỏ nguyên liệu nhà máy xi măng An Phú	200,00	CLN	Xã An Phú	210.000			210.000	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP	
4	Thu hồi ngoài ranh quy hoạch mỏ đá với Thanh Lương	3,50	CLN	Xã An Phú	3.675			3.675	Chủ đầu tư đề nghị	
5	Mỏ đá với Thanh Lương	145,66	CLN	Xã An Phú, Minh Tâm	152.943			152.943	Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng CP	Đã thu hồi, bồi thường được 52,4ha/198,06ha, còn lại 145,66ha chưa thu hồi
6	Mỏ đá với Thanh Lương mở rộng	30,60	CLN	Xã An Phú, Minh Tâm	32.130			32.130	Thông báo số 90/TB-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh	
7	Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico	28,20	CLN	Xã Đồng Nơ	29.610			29.610	Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng CP	Đã thu hồi, bồi thường được 626,8/655ha của Công ty CP Hải Vương, chỉ còn 28,2ha của các hộ dân chưa thu hồi, bồi thường
8	Xây dựng các công trình công cộng và Khu dân cư xã Đồng Nơ	7,07	CLN	Xã Đồng Nơ	5.656		5.656		Công văn số 3172/UBND-KT ngày 21/9/2017 và Công văn số 208/UBND-KT ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh	Đất của Ban QLKKKT tỉnh quản lý
9	Cải tạo đường QL 14C	0,45	CLN	Xã Minh Tâm	473		473		Công văn số 2709/UBND-KT ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh	
10	Khu xử lý chất thải rắn	35,00	CLN	Xã Minh Tâm	36.750			36.750	Công văn số 4164/UBND-KT ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh	
11	Chợ Tân Hiệp	0,98	CLN	Xã Tân Hiệp	1.029		1.029		Sở Công thương đăng ký	
12	Trung tâm hành chính xã Tân Hiệp	10,58	CLN, ONT	Xã Tân Hiệp	12.588		12.588		Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của UBND huyện	
13	Dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0,23	CLN, DGT	Xã Tân Hưng, An Khương	242	242			Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh	
14	Bến xe Hớn Quản	1,37	CLN, ONT	thị trấn Tân Khai	18.570		18.570		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
15	Chợ mới Tân Khai	3,15	CLN, ONT, DGD	thị trấn Tân Khai	42.000		42.000		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
16	Chợ Tân Khai	0,73	CLN, ONT	thị trấn Tân Khai	15.444		15.444		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
17	Đường Bắc Nam 2	0,45	CLN	thị trấn Tân Khai	2.700		2.700		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
18	Đường Đông Tây 7 nối dài	0,03	CLN	thị trấn Tân Khai	180		180		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
19	Đường từ QL13 vào KCN Tân Khai II	8,10	CLN, ONT	thị trấn Tân Khai	63.600	63.600			Công văn số 403a/HĐND-KT ngày 28/10/2016 của HĐND tỉnh, Công văn số 3211a/UBND-KTN ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh	
20	Khu công nghiệp Tân Khai II	160,00	CLN	thị trấn Tân Khai	128.000			128.000	Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Đất của Ban QLKKT tỉnh quản lý
21	Khu công viên cây xanh	2,10	CLN	thị trấn Tân Khai	12.600		12.600		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
22	Khu dân cư Trục chính Bắc Nam	1,78	CLN	thị trấn Tân Khai	10.680		10.680		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
23	Khu dân cư Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện và đường Đông Tây 9	3,84	CLN	thị trấn Tân Khai	23.040		23.040		Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh	
24	Mở rộng đường GTNT theo tiêu chí NTM	2,52	CLN, DGT	thị trấn Tân Khai	0				Nghị quyết số 10/2018 của HĐND tỉnh	UBND huyện vận động người dân hiến đất mở rộng đường giao thông hiện hữu
25	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Tân Khai	3,47	NTD	thị trấn Tân Khai					Công văn số 630/UBND-KSX ngày 13/7/2016 của UBND huyện	Đất nghĩa địa không bồi thường
26	Trục chính Bắc Nam (giai đoạn 3) Trung Tâm VHHT Huyện và đường Đông Tây 9	3,03	CLN, ONT	thị trấn Tân Khai	34.080		34.080		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	Đã thu hồi, bồi thường được 8,67/11,7ha, còn 3,03ha chưa thu hồi, bồi thường
27	Trục chính Bắc Nam nối dài (giai đoạn 1)	0,30	CLN	thị trấn Tân Khai	1.800		1.800		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
28	Trung tâm Giáo dục	9,57	CLN, ONT	thị trấn Tân Khai	98.610		98.610		Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của UBND tỉnh	
29	Khu dân cư phía đông thị xã Bình Long (phần trên địa bàn huyện Hớn Quản)	13,40	CLN	Xã Tân Lợi	10.720	10.720			Thông báo số 195/TB-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh	Đất của công ty TNHH MTV cao su Bình Long, chi bồi thường tài sản trên đất
30	Khu đô thị mới Nam An Lộc	91,00	CLN	Xã Thanh Bình	0	0				Đất Ban QLKKT tỉnh quản lý
b	Dự án phát sinh mới năm 2019	298,84			0	0	0	0		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
1	Đất phát triển công trình công cộng	241,95	CLN	Xã Thanh Bình	0					Đất của Ban QLKKT tỉnh quản lý
2	Khu dân cư Việt Kiều	45,52	CLN	Xã Thanh Bình	0					Đất của Ban QLKKT tỉnh quản lý
3	Khu dân cư Phước An	5,20	CLN	Xã Phước An	0				207/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
4	Bãi rác xã Tân Hưng	2,00	CLN	Xã Tân Hưng	0				Công văn 209/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 14/4/2017 của Tập đoàn Cao su VN	Đất của Ban QLKKT tỉnh quản lý
5	Nghĩa trang xã Tân Lợi	2,00	CLN	Xã Tân Lợi	0				Công văn 209/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 14/4/2017 của Tập đoàn Cao su VN	Đất của Ban QLKKT tỉnh quản lý
6	Đường điện Phước An - Tân Quan	2,17	CLN	Xã Phước An, Xã Tân Quan	0				Công văn 424/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 04/7/2017 của Tập đoàn Cao su VN	Đất của Ban QLKKT tỉnh quản lý
VI	Huyện Chơn Thành	4.876,17			4.248.542	45.250	6.500	4.196.792		
a	Các dự án chuyển tiếp từ 2016, 2017, 2018	4.621,16			4.096.509	5.250	6.500	4.084.759		
1	Đất TMDV dân cư Becamex	1.764,20	CLN	Xã Minh Thành, Thành Tâm, Nhà Bích, TT.Chơn Thành	1.908.875			1.908.875		Đã thu hồi 444,1 ha trong tổng số 2.208,3 ha, còn lại 1.764,2 ha
2	Khu công nghiệp và đư cư Becamex	2.108,60	CLN	Xã Minh Thành, TT.Chơn Thành	2.138.782			2.138.782		Đã thu hồi 316,4 ha trong tổng số 2.425 ha, còn lại 1.764,2 ha
3	Đường N9 nối dài đến đường số 7 (đường N3 quy hoạch)	19,84	ODT+CLN	TT.Chơn Thành	14.512			14.512		
4	Khu dân cư, đô thị và dịch vụ thương mại Suối Đồi	8,73	ODT+CLN	TT.Chơn Thành	6.500		6.500			
5	Đất SXKD khu mở rộng Minh Hưng - Hàn Quốc	5,00	CLN	Xã Minh Hưng	2.000			2.000		
6	Khách sạn và khu dân cư văn phòng Tỉnh ủy	20,00	CLN	Xã Minh Hưng	0					Đất Ban QLKKT quản lý
7	Mở rộng Khu công nghiệp Minh Hưng III	577,53	CLN	Xã Minh Hưng	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long
8	Nối tiếp hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	4,16	CLN	Xã Minh Hưng	1.664			1.664		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
9	Thu hồi bổ sung lòng hồ Phước Hòa	15,00	CLN	Xã Minh Lập, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Thành	5.250	5.250				
10	Khu dân cư Minh Thành	20,00	ONT+CLN	Xã Minh Thành	10.400			10.400	QĐ: 1818 ngày 28/7/2017 của UBND Tỉnh	
11	Móng trụ đường dây 500KV đầu nối	0,09	CLN	Xã Minh Thành	34			34		
12	Trạm biến áp 500KV	20,07	CLN	Xã Minh Thành	8.028			8.028		
13	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	56,78	CLN, ONT, DGT	Xã Minh Thành, Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích	0	0			QĐ 2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 và QĐ số 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh.	Vận động nhân dân hiến đất
14	Móng trụ đường dây 220KV đầu nối	1,11	CLN	Xã Minh Thành, Nha Bích, Minh Hưng, Thành Tâm, TT.Chơn Thành	444			444		
15	NVH áp 1, áp Hòa Vinh 2	0,05	CLN	Xã Thành Tâm	20			20		
b	Dự án phát sinh mới năm 2019	255,01			152.033	40.000	0	112.033		
1	Khu chợ đầu mối, TTMT và Khu dân cư Chơn Thành	161,42	ODT+CLN	TT.Chơn Thành	0					
2	Khu dân cư KCN Minh Hưng III (Công ty CP KCN Cao su Bình Long)	23,56	ONT+CLN	Xã Minh Hưng	0					Đất Ban QLKKT quản lý
3	Đất phát triển công trình công cộng	12,45	ONT+CLN	Xã Minh Hưng	0					Đất Ban QLKKT quản lý (đất thu hồi của Công ty TNHH Lâm Hải)
4	Nhà văn hóa áp 3A	0,03	CLN	Xã Minh Hưng	0					
5	Khu đất xây dựng văn phòng áp 1	0,04	CLN	Xã Minh Lập	0					Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
6	Khu đất xây dựng văn phòng áp 3	0,04	CLN	Xã Minh Lập	0					Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
7	Khu đất xây dựng văn phòng áp 4	0,04	CLN	Xã Minh Lập	0					Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
8	Bãi rác	1,00	CLN	Xã Minh Thắng	0					Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
9	Nhà văn hóa áp 1 (vị trí mới)	0,01	CLN	Xã Minh Thắng	0					
10	Khu quy hoạch xây dựng các công trình phúc lợi xã hội xã Minh Thành	1,60	CLN	Xã Minh Thành	0					Đất Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
11	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex	40,00	CLN	Xã Nha Bích, Minh Thành	40.000	40.000			Quyết định Chủ trương đầu tư: Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 07/7/2018 của UBND tỉnh	
12	Công trình Lộ ra 110KV sau Trạm biến áp 220KV Chơn Thành	0,80	CLN	Xã Nha Bích, Minh Thành	112.033			112.033	Quyết định số 886/QĐ-BCT ngày 17/3/2017 của Bộ Công Thương	
13	Trạm dừng chân đường Hồ Chí Minh	14,02	ONT+CLN	Xã Thành Tâm	0					
VII	Huyện Phú Riềng	162,04			37.373	20.435	14.814	2.123		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	102,12			13.981	9.247	3.678	1.056		
1	Đường GTNT Long Hưng-Phước Bình	22,40	CLN và HLLG	Xã Long Hưng, Bình Sơn	9.247	9.247			Bổ sung theo ý kiến của Sở GTVT tại KHSDD năm 2018	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
2	Bãi rác huyện	10,00	CLN	Xã Long Tân	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
3	Bãi rác xã Bình Tân	1,50	CLN	Xã Bình Tân	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
4	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật	30,00	CLN	Xã Long Tân	3.600		3.600		Công văn 802/BCH-TM ngày 10/10/2016 của Bộ CHQS tỉnh	
5	Nghĩa trang nhân dân xã Bình Tân	6,79	CLN	Xã Bình Tân	816			816		Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
6	Đường Bù Nho - Phước Tân	30,52	CLN, HLLG	Xã Bù Nho, Phước Tân	0		0			Vận động dân hiến đất
7	Khu dân cư xã Long Tân	0,09	CLN	Xã Long Tân	37			37	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
8	Khu VH-TDĐT xã Long Tân	0,49	CLN	Xã Long Tân	202			202	QĐ 1907/QĐ-UBND.T ngày 04/8/2017	Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
9	Cầu Long Tân - Phú Riềng	0,33	CLN	Xã Phú Riềng, Long Tân	78		78			Bồi thường đất và tài sản gắn liền với đất
b	Dự án phát sinh mới năm 2019	59,92			23.392	11.189	11.136	1.067		
1	Khu Trung tâm hành chính huyện (phần thu hồi đất dân)	33,00	CLN, NTS, ONT	Xã Bù Nho	11.095		11.095			
2	NVH thôn Sơn Hà 2	0,03	CLN	Xã Bình Sơn	30			30		Vận động dân hiến đất
3	Khu vui chơi thôn Phú Châu	0,10	CLN	Xã Bình Sơn	142			142		Vận động dân hiến đất
4	Trạm xử lý nước thải TTTM Bù Nho	0,01	CLN	Xã Bù Nho	41		41			
5	Nghĩa trang thôn 1 xã Long Bình	1,20	CLN	Xã Long Bình	786			786		
6	Mở rộng đường ĐT 741	22,50	CLN, ONT	Xã Phú Riềng, Bù Nho, Long Hưng, Bình Tân	11.189	11.189				
7	Thu hồi đất bà Lê Thị Ngọc Ánh	0,01	DGT, ONT	Xã Bù Nho	109			109		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Đường điện thôn 8 xã Long Hưng	0,17	CLN	Xã Long Hưng	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
9	NVH thôn 2	0,11	CLN	Xã Long Hưng	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
10	Đường điện trung thế xã Phú Trung	0,80	CLN	Xã Phú Trung	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
11	UBND xã Phú Trung (mới)	2,00	CLN	Xã Phú Trung	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
VIII	Huyện Bù Gia Mập	270,45			87.228	0	10.431	76.797		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	188,72			54.751	0	6.981	47.770		
1	Trường Tiểu học Bình Thắng B	0,80	CLN	Xã Bình Thắng	400		400		Quyết định số 1907/QĐ- UBND ngày 04/8/2017	
2	Trụ sở UBND xã Bình Thắng	0,03	CLN	Xã Bình Thắng	16		16		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
3	Nhà văn hóa thôn 1	0,07	DGD	Xã Bình Thắng	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất UBND huyện Quản lý không phải đền bù
4	Trường Mầm Non xã Bình Thắng (điểm chính)	0,23	DTT	Xã Bình Thắng	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất UBND huyện Quản lý không phải đền bù
5	Nghĩa địa thôn Bình Hà 2	1,00	CLN	Xã Đa Kì	500		500		QĐ 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	
6	Hồ Thủy lợi Bình Hà 2	80,00	CLN	Xã Đa Kì	40.000			40.000	Quyết định số 1072/QĐ- BNN-KH ngày 30/3/2017	
7	Bãi rác thôn 4	4,00	CLN	Xã Đa Kì	0					Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
8	Xây dựng 4 đường bê tông nông thôn	0,42	CLN	Xã Đăk Ô	210			210	QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất người dân
9	Nhà văn hóa thôn 9	0,12	CLN	Xã Đăk Ô	0				CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2016	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long
10	Trường Mẫu giáo Ánh Dương (Điểm chính)	0,90	CLN	Xã Đăk Ô	0					Đất UBND huyện Quản lý không phải đền bù
11	Điểm Trường MG Đức Hạnh (Bù Kroai)	0,30	CLN	Xã Đức Hạnh	150		150		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
12	Khu căn cứ hậu cần kỹ thuật	13,00	CLN	xã Phú Nghĩa	3.000		3.000		Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2016	
13	Đường ĐT 760 nối dài Phú Nghĩa đi Phước Minh - Đa Kia (Đoạn Phú Nghĩa)	9,15	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long
14	Trường Tiểu học TT Phú Nghĩa (C13)	1,13	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				Quyết định 336/QĐ-UBND ngày 15/2/2017 phê duyệt KH SDD năm 2017 của huyện Bù Gia Mập	Đất công huyện quản lý
15	TT văn hóa TD thể thao (Khu A11, A12, A16)	7,11	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long
16	Cụm TTCN Phú nghĩa 2	49,30	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				QĐ 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh	Đất Nông trường 26/6 không phải đền bù
17	Đường D19 khu TTHC	0,18	CLN	Xã Phú Nghĩa	0				QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 4/8/2018	Đất công huyện quản lý
18	Hồ thủy lợi thôn Khắc Khoan	15,00	CLN	Xã Phú Nghĩa	7.500			7.500	QĐ 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	
19	Mở rộng Công An huyện	0,70	CLN	Xã Phú Nghĩa	350		350		CV 124/UBND-KT ngày 30/8/2017	
20	Mở rộng chợ Phú Văn	1,13	CLN, ONT	Xã Phú Văn	565		565		Quyết định số 3793/QĐ- UBND ngày 29/10/2010	
21	Nhà văn hóa thôn 3	0,04	DGD	Xã Phú Văn	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất công huyện quản lý
22	Đường thôn 2-thôn 3	0,12	CLN	Xã Phú Văn	60			60	CV 2095/UBND-KTN ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh	Đất người dân
23	TT thể dục - thể thao	1,00	CLN	Xã Phú Văn	500		500		QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	
24	Mở rộng Điểm mẫu giáo Hòa My	2,00	CLN	Xã Phước Minh	1.000		1.000		CV 3258/UBND-KTN của UBND tỉnh ngày 31/10/2017	
25	Nghĩa địa thôn Bình Tân	1,00	CLN	Xã Phước Minh	500		500		QĐ 3793/QĐ-UBND 29/10/2011	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2019	81,73			32.477	0	3.450	29.027		
1	Mương Thoát nước (thửa 101 tờ 9)	0,30	CLN	Xã Bình Thắng	150		150			
2	Đường vào nhà văn hóa thôn Đăk Á	0,02	CLN	Xã Bù Gia Mập	12			12		
3	Hồ thủy lợi thôn Khắc Khoan	55,00	CLN	Xã Phú Văn	27.500			27.500	QĐ 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	
4	Đường và cầu từ ĐT 759 đến TT xã Phước Minh	4,20	CLN	Xã Phước Minh	2.100		2.100			
5	Đường ĐT 760 nối dài Phú Nghĩa đi Phước Minh - Đa Kia (giai đoạn 2)	15,15	CLN	Xã Phú Nghĩa, Xã Đa Kia	0				QĐ 2670/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 Phê duyệt QHSDD đến năm 2020	Đất của Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long
6	Xây dựng đập thủy lợi nhỏ khu dự án tại Tiểu khu 42 - Nông lâm trường Đăk Mai	2,50	CLN	Xã Đăk Ô	1.250			1.250		Đất Ban quản lý rừng không phải đền bù

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
7	Xây dựng đường dây tải điện từ thôn Bình Giai đến thôn Bình Tiến 2 xã Phước- Minh	2,40	CLN	Xã Phước Minh	1.200		1.200		Biên bản ngày 29/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường	
8	Trạm 110kV và đường dây đầu nối	0,53	CLN	Xã Phú Văn	265			265	Biên bản số 01/BB-UBND ngày 04/4/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
9	Chợ Đa Kìa	0,37	CLN, ONT	Xã Đa Kìa	0					Đất công huyện quản lý
10	Chợ Đăk Ô	1,25	CLN, ONT	Xã Đăk Ô	0					Đất công huyện quản lý
IX	Huyện Bù Đốp	135,43			43.187	8.181	10.224	24.782		
a	Các dự án chuyển tiếp năm 2016, 2017, 2018	128,38			41.087	8.181	8.124	24.782		
1	Dự án Đường Vành đai và khu dân cư KP Thanh Bình	10,00	LUK+CLN+ONT	thị trấn Thanh Bình	20.782			20.782	QĐ số 334/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND huyện	
2	Trường PTTH Thanh Hòa	5,00	ODT	Thị trấn Thanh Bình	0				QĐ số: 2708/QĐUBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
3	chợ Hưng Phước	0,31	TSC	Xã Hưng Phước	0				QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	thu hồi đất Công ty Cao su, không bồi thường về đất
4	Kênh thủy lợi đập M26	0,70	LUK	Xã Phước Thiện	0				QĐ số 2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước	Vận động dân hiến đất
6	Trụ sở ấp Tân Phú	0,05	CLN	Xã Tân Thành	12			12	QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	
7	Công trình thủy lợi	5,00	CLN	Xã Tân Thành	950			950	QĐ số 2956/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	
8	Dự án cấp nước sạch	0,11	CLN	Xã Tân Thành	0				QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	Vận động dân hiến đất
9	Dự án cấp nước sạch	0,04	CLN	xã Tân Tiến	0				QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	đất xã quản lý
10	Đập thủy lợi (ấp 4+5)	20,00	CLN	Xã Thanh Hòa	4.000	4.000				
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ KM 24+250 – Km40 + 500	30,88	CLN, ONT	Xã Thiện hưng, Phước Thiện, Hưng Phước	7.050			7.050	QĐ số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh Bình Phước	
12	Dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0,16	CLN	xã Thiện Hưng	4.181	4.181				
13	Trụ sở ấp Thanh Trung	0,05	CLN	thị trấn Thanh Bình	12			12	QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Nghĩa địa xã Tân Tiến	3,30	CLN	xã Tân Tiến	0				QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
15	Nhà văn hóa xã Hưng Phước	0,59	LUK	xã Hưng Phước	100		100		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
16	Nghĩa địa xã Hưng Phước	5,00	CLN	xã Hưng Phước	0				QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSĐĐ 2020	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
17	Trường Mẫu giáo Hưng Phước	0,30	CLN	xã Hưng Phước	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
18	Trường THCS Phước Thiện	1,50	CLN	xã Phước Thiện	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
19	Trường Tiểu học Thiện Hưng B	0,30	CLN	xã Thiện Hưng	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
20	Trường Tiểu học Thiện Hưng C	0,57	DVH	xã Thiện Hưng	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
21	Trường THCS Bù Đốp	0,20	NTD	xã Thiện Hưng	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
22	Trường TH Thanh Hòa	0,15		xã Thanh Hòa	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
23	Mở rộng trường mẫu giáo Phước Thiện	0,40	CLN	Xã Phước Thiện	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	thu hồi đất Công ty cao su, Không bồi thường về đất
24	Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới	43,20	RPH, CLN, CQP	huyện Bù Đốp	4.000			4.000	Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trái phiếu Chính phủ
25	Mở rộng trường mẫu giáo Tân Tiến	0,57	CLN	Xã Tân Tiến	0				QĐ số: 1609/QĐUBND ngày 01/8/2017 của UBND huyện	đất xã quản lý
b	Các dự án phát sinh mới năm 2019	7,05			2.100	0	2.100	0		
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B (Thiện Hưng đi Phước Thiện)	3,00	LNC	Xã Phước Thiện, Thiện Hưng	900		900		Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
2	Trường mẫu giáo phước thiện	1,00	LNC	Xã Phước Thiện	300		300		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
3	Trường mẫu giáo Tân Tiến	1,00	LNC	Xã Tân Tiến	300		300		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
4	Trường mẫu giáo Thanh Bình	1,00	LNC	TT. Thanh Bình	300		300		QĐ số 132/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND tỉnh về QHSDĐ 2020	
5	Trường mẫu giáo Hưng Phước	1,00	LNC	Xã Hưng Phước	300		300		QĐ số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về tiêu chí Nông thôn mới 2016-2020	
6	Mở rộng bệnh xá Quân dân y thuộc Trung đoàn 717	0,05	LNC	xã Thiện Hưng	0				Thông báo số 125-TBKL/HU ngày 19/5/2017 của Huyện Ủy Bù Đốp	Đất công không bồi thường
X	Huyện Đồng Phú	310,31			250.273	114.651	4.514	131.108		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	243,75			127.165	77.101	4.014	46.050		
1	Hồ Tân Lợi	23,21	CLN	Xã Tân Lợi	0					Đất thuộc Công ty CP cao su Đồng Phú, không bồi thường về đất
2	Dự án cấp đất cho các hộ thiếu đất sản xuất	60,00	RSX	Xã Tân Lợi	0					Đất thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước, không bồi thường về đất
3	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện (vùng lõi căn cứ hậu cần)	49,00	RSX	Xã Tân Hòa	0				QĐ 2389/QĐ-BTL ngày 8/10/2018 về QH vị trí đóng quân	Đất thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước, không bồi thường về đất
4	Hạ lưu cống thoát nước QL14	0,20	CLN	Xã Đồng Tiến	1.050			1.050		
5	Dự án Công trình QK1	19,77	CLN	Xã Tân Tiến	24.101	24.101				Đã thu hồi 9 ha trong tổng số 28,77 ha, còn lại 19,77 ha
6	Đường Đồng Phú- Bình Dương	68,37	CLN+NTS+DGT+SON	Xã Tân Phước, Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng, Đồng Tâm	45.000			45.000		Đã thu hồi 201,55 ha trong tổng số 269,92 ha, còn lại 68,37 ha
7	Đường Phú Riêng Đò từ TTHC huyện đi xã Tân Tiến	0,32	CLN	TT. Tân Phú, Xã Tân Tiến	1.100		1.100			
8	Đường vào sân bóng cũ (Đường vào chợ mới)	0,04	CLN	Xã Tân Lập	170		170			
9	Xây dựng cầu tổ 6	0,07	CLN	Xã Thuận Phú	70		70			
10	Đường tổ 8 và tổ 10	0,03	CLN	TT. Tân Phú	1.000		1.000			
11	Mở rộng TTHC xã Tân Hòa	0,49	CLN	Xã Tân Hòa	594		594			
12	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	18,70	CLN+DGT+ONT	Xã Tân Lập, Tân Tiến, TT. Tân Phú	53.000	53.000				
13	Mở rộng nghĩa trang xã Tân Lập	0,25	CLN	Xã Tân Lập						Vận động dân hiến đất

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
14	Nâng cấp, mở rộng đường Cầu Ông Kỳ đi Tô 3, ấp Quán Y, xã Tân Lợi	3,30	DGT	Xã Tân Lợi	1.080		1.080		công văn số 2349/UBND-KT ngày 06/11/2017	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2019	66,56			123.108	37.550	500	85.058		
1	Khu Tái định cư đường ĐT Đồng Phú-Bình Dương	35,00	CLN	Xã Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phước, Tân Lập, Đồng Tâm	80.208			80.208	CV 598/UBND-KT ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh, QĐ 2922/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh	
2	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam Thành phố Đồng Xoài (đoạn qua huyện Đồng Phú)	24,00	CLN, CHN, ONT	TT Tân Phú, Xã Tân Tiến, Tân lập	18.000	18.000			Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Bình Phước	
3	Mương thoát nước đường ĐT741	0,08	CLN	TT. Tân Phú	450	450				
4	Mở rộng chợ Đồng Tâm	0,05	CLN	Xã Đồng Tâm	500		500			
5	Đường đi Phước Sang (Phù Giáo-Bình Dương)	1,12	CLN	Xã Tân Lập	4.850			4.850		Đất thuộc Công ty CP cao su Đồng Phú, không bồi thường về đất
6	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741 (đoạn qua Thuận Phú, Thuận Lợi)	5,93	CLN+DGT+ ONT	Xã Thuận Phú; Thuận Lợi	18.000	18.000			KL hoặc TB 2181 của Tỉnh ủy	
7	Trụ điện của đường điện nối dài Chơn Thành-Đồng Phú	0,38	CLN	Xã Thuận Phú	1.100	1.100				
XI	Huyện Lộc Ninh	1.173,26			96.750	34.344	16.291	46.115		
a	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	181,54			38.438	21.498	12.940	4.000		
1	Hồ Thủy lợi	30,00	CLN, HNK	xã Lộc Tấn	6.900	6.900			Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
2	Nhà công vụ CBCNV	0,03	CLN	Ấp 1 xã Lộc An	7		7		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
3	Khu dân cư ấp 11A (ven đường Nguyễn Tất Thành)	12,00	CLN	Ấp 11A xã Lộc Thiện	2.760		2.760		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
4	Mở rộng trường MG Hòa Mi	1,00	CLN	Ấp 3 xã Lộc Thái (vị trí mới)	230		230		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
5	Nhà VH ấp 4	0,30	CLN	Ấp 4 xã Lộc An	69		69		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
6	Trường Mẫu giáo và Nhà văn hóa ấp 8	0,76	CLN	xã Lộc Điền	190		190		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
7	Nhà Văn hoá ấp 8	0,30	CLN	Ấp 8 Xã Lộc Hòa (NT cao su)	69		69		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
8	Trường Mẫu giáo và Nhà văn hóa ấp 9	1,22	CLN	Ấp 9 xã Lộc Điền	306		306		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
9	Khu văn hóa thể thao	1,00	CLN	Ấp Cây Chặt xã Lộc Tấn	230		230		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
10	Mở rộng tiểu học Lộc Tấn B	1,00	CLN	Áp Thạnh Đông Lộc Tấn	230		230		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
11	Đường ấp Thạnh Phú-Áp 13 B	0,35	CLN	Áp Thạnh Phú xã Lộc Thạnh	0				Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
12	Đường tránh QL13	54,20	CLN	Các xã: Lộc Thiện, Lộc Hưng; Lộc Thái, Thị trấn Lộc Ninh, Lộc Tấn	14.138	14.138			Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
13	Đường Tuần tra biên giới	56,80	CLN, RSX, DQP	huyện Lộc Ninh	4.000			4.000	Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trái phiếu Chính phủ
14	Khu dân cư đô thị	10,49	CLN	TT Lộc Ninh	4.197		4.197		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017, Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh	
15	Dự án xây dựng cầu dân sinh (dự án LRAMP)	0,08	DGT	TT. Lộc Ninh	650		650		Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
16	Hồ chứa nước	10,00	CLN	TT. Lộc Ninh	4.000		4.000		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
17	Trạm bơm áp Việt Quang	0,01	CLN	Xã Lộc Quang	2		2		Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của UBND tỉnh	
18	Tượng đài chiến thắng Hoa Lư	2,00	CLN	Xã Lộc Thạnh	460	460			Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 09/03/2018 của UBND tỉnh	
b	Các dự án phát sinh mới năm 2019	991,72			58.312	12.846	3.351	42.115		
1	Nâng cấp mở rộng ĐT-756	16,37	CLN, ONT	xã Lộc Quang, Lộc Phú Lộc Hiệp	4.893			4.893	QĐ số 2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh	Vay vốn ADB
2	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn tới Cửa khẩu Hoa Lư (dài 13 km)	28,08	CLN, ONT, LUK	xã Lộc Hòa, xã Lộc Thạnh, Lộc Tấn	7.722			7.722	Công văn số 2746/UBND- TH ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh	Vốn trung ương hỗ trợ
3	Nâng cấp mở rộng đường từ Ngã Ba Đồng Tâm -Tà Thiết	59,30	CLN, ONT, RSX	xã Lộc Thịnh, xã Lộc Thành	11.267	11.267			Thông báo số 205/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	
4	Đường tránh khu di tích Tà Thiết	8,40	RSX,CLN	xã Lộc Thịnh, xã Lộc Thành	1.260	1.260			Thông báo số 205/TB-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh	
5	Trạm biến áp và đường điện 220 kV Lộc Ninh - Bình Long	5,70	CLN, ONT, RSX	Qua xã Lộc Thịnh, Lộc Hưng, Lộc Thành, Lộc Thiện, Lộc Tấn	8.500			8.500		Trong đó có trạm điện 2,7 ha và trụ điện 3 ha
6	Nâng cấp mở rộng đường Phan Chu Trinh nối QL 13 (đoạn mở mới)	1,04	CLN	Thị trấn Lộc Ninh	260		260			
7	Trạm Điện báo chiến dịch	4,96	CLN	Áp 5 xã Lộc Tấn	0					Đất của Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
8	Chợ Lộc Thiện	0,20	CLN	Áp Mãng Cái xã Lộc Thiện	50		50			
9	Nhà Văn hóa ấp K54	0,10	CLN	Áp K54 xã Lộc Thiện	25		25			
10	Trụ sở ấp 11B mới	0,20	CLN	Áp 11B xã Lộc Thiện	50		50			
11	Công trình trạm biến áp 110KV Hoa Lư	0,67	RSX	Xã Lộc Thạnh	133	133				
12	Đường dây 110KV nhánh rẽ đầu nối trạm 110KV Hoa Lư	0,74	CLN	Xã Lộc Thuận;Lộc Hiệp;Lộc An;Lộc Tấn;;Lộc Hòa;Lộc Thạnh	186	186				
13	Nhà văn hóa xã	0,27	CLN	Xã Lộc Thạnh	67		67			
14	Công viên văn Hóa	1,05	CLN	Xã Lộc Thạnh	262		262			
15	Mở rộng đường ấp Thạnh Tân	0,31	CLN	Xã Lộc Thạnh	78		78			
16	Mở rộng đường ấp Thạnh Trung	0,23	CLN	Xã Lộc Thạnh	56		56			
17	Mở rộng đường liên xã Lộc Thạnh-Lộc Tấn	0,24	CLN	Xã Lộc Thạnh	61		61			
18	Mở rộng đường liên ấp Thạnh Trung	0,58	CLN	Xã Lộc Thạnh	144		144			
19	Mở rộng đường liên ấp Thạnh Phú-Thạnh Tây Lộc Tấn	0,92	CLN	Xã Lộc Thạnh	230		230			
20	Mở đường Trảng Đá	2,52	CLN	Áp Trảng Đá xã Lộc Hòa	630		630			
21	Mở rộng đường ấp 9 Lộc Điện	3,50	CLN	Áp 9 Lộc Điện	875		875			
22	Đường Sóc Bà Bom-di Lâm trường	2,00	CLN, LUK	Xã Lộc Hòa	500		500			
23	Nâng cấp cầu Bà Hạnh	0,05	CLN	Áp 8A xã Lộc Hòa	13		13			
24	Đường giao thông Sóc Bà Bom	0,20	CLN	Xã Lộc Hòa	50		50			
25	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Bù Kal	9,80	CLN, ONT	xã Lộc Hòa, xã Lộc An	8.199			8.199	Công văn số 76a/HDND-KT ngày 31/3/2017 của HDND tỉnh	Vốn trung ương hỗ trợ
26	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Suối Nuy	9,00	CLN, ONT	xã Lộc Hòa	7.530			7.530		Vốn trung ương hỗ trợ
27	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Lộc Thạnh	1,80	CLN, ONT	xã Lộc Thạnh, xã Lộc Tấn	1.506			1.506		Vốn trung ương hỗ trợ
28	Hệ thống kênh tưới thuộc khu tưới hồ Lộc Quang	4,50	CLN, ONT	xã Lộc Quang	3.765			3.765		Vốn trung ương hỗ trợ
29	Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp trong Khu KTCK Hoa Lư (Công ty CP Đầu tư Hoa Lư - Bình Phước)	404,00	RSX	xã Lộc Thạnh, xã Lộc Tấn	0				Công văn 2584/UBND-KT ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh	Đất Ban QLRPH Lộc Ninh quản lý
30	Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp trong Khu KTCK Hoa Lư (Công ty CP Quốc tế Lê Đại Nam)	425,00	RSX	xã Lộc Thạnh	0				Công văn 2584/UBND-KT ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh	Đất Ban QLRPH Lộc Ninh quản lý
369	Tổng cộng toàn tỉnh	9.556,91			7.497.514	1.064.288	714.195	5.719.030		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền đề bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW...)		
Trong đó:										
236	Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016, 2017, 2018	7.371,12			6.375.969	348.892	614.513	5.412.563		
133	Các dự án phát sinh mới năm 2019	2.185,78			1.121.546	715.396	99.682	306.467		

Ghi chú (*):

CLN: Đất trồng cây lâu năm

RSX: Đất trồng rừng sản xuất

ONT: Đất ở tại nông thôn

ODT: Đất ở tại đô thị

TSC: Đất xây dựng trụ sở cơ quan

TON: Đất cơ sở tôn giáo

DGD: Đất cơ sở giáo dục đào tạo

DGT: Đất giao thông

NTS: Đất nuôi trồng thủy sản

SON: Đất sông suối và MNCD

SKK: Đất Khu công nghiệp

MNC: Đất mặt nước chuyên dùng

DCH: Đất chợ

DTT: Đất thuê dục, thể thao

RDD: Đất rừng đặc dụng

DYT: Đất y tế

HNK: Đất trồng cây hành năm khác